TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **80**/2025/DS-ST
Ngày: 22/8/2025
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Bà Lê Thị Gắn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị Hồng N, sinh năm 1978. *(có mặt)*

Địa chỉ: 64 ĐK, khu phố S, phường GC, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: - Bà Ngô Thị T, sinh năm 1957. *(vắng mặt không lý do)*

- Anh Huỳnh Thanh V, sinh năm 1981. *(vắng mặt không lý do)*

Cùng địa chỉ: Khu phố SQA, phường SQ, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng: Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 2003. *(có mặt)*

Địa chỉ: Khu phố VH, phường GC, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị Hồng N trình bày:***

Ngày 21/12/2023, anh V có hỏi mượn chị số tiền 180.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, lấy sổ đỏ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do mẹ anh V đại diện hộ đứng tên ra. Sau khi làm xong hồ sơ tách đất (vì mẹ anh V chia đất cho anh V), anh V

có sổ đỏ thì anh V sẽ thế chấp vay ngân hàng và trả lại tiền cho chị. Chị không yêu cầu tính lãi nhưng anh V tự nguyện sẽ trả lãi 2%/tháng tương đương mỗi tháng 3.000.000 đồng. Ngay trong ngày, con gái chị là Nguyễn Thanh N, sinh năm 2001 (hiện cư trú tại Mỹ) có chuyển vào tài khoản ngân hàng của anh V 130.000.000 đồng và chị trực tiếp đưa thêm anh V bằng tiền mặt 50.000.000 đồng tại NH thành phố GC, khi đó có mặt chị, anh V, bà T và anh T1 nhưng chị không làm biên nhận khi giao số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi trả nợ ngân hàng, anh V đưa bản chính 04 sổ đỏ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do mẹ anh V là bà T đứng tên cho anh T1 để làm hồ sơ tách đất.

Sau khi vay, anh V có trả cho chị 04 tháng tiền lãi từ tháng 01/2024 đến tháng 4/2024 là 12.000.000 đồng rồi ngưng. Chị nhiều lần yêu cầu anh V hoàn tất hồ sơ tách đất để vay ngân hàng trả lại tiền cho chị và không cần trả lãi cho chị nữa. Tuy nhiên, do hồ sơ đất đai của gia đình anh V không thực hiện được nên chị có nói anh T1 đưa cho chị cất giữ bản chính 04 sổ đỏ nêu trên để anh V ký tên vào giấy nợ vì anh V còn nợ tiền của chị. Ngày 25/9/2024, anh V đến nhà chị xin nhận lại bản chính 04 sổ đỏ do mẹ anh V đứng tên thì chị nói phải có mẹ anh V ký tên xác nhận khoản nợ này là nợ chung cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị thì chị mới đồng ý cho anh V nhận lại bản chính sổ đỏ vì anh V không có tài sản. Sau đó, anh V và mẹ anh V thống nhất đồng ý ký tên vào tờ Giấy tay thỏa thuận ngày 25/9/2024 tại nhà chị, giấy tay này do con gái chị là Nguyễn Thanh N viết. Khi đó, anh V còn hứa với chị khoảng 07-10 ngày sau sẽ trả hết nợ gốc cho chị và chị đã trả lại bản chính 04 sổ đỏ nêu trên cho anh V và bà T. Tuy nhiên từ đó đến nay anh V và bà T không ai trả lại cho chị số tiền nợ này nên chị khởi kiện. Nay chị yêu cầu bà T và anh V cùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền 180.000.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị T trình bày:***

Anh V là con trai của bà, trước đây, anh V có mượn sổ đỏ của bà để vay ngân hàng làm ăn, bà đồng ý và đến ngân hàng ký tên cho anh V vay tiền. Sau đó, vào khoảng năm 2024, do không thể làm hồ sơ tách thửa chia đất cho các con nên anh V có nói với bà là chị N kêu lên lấy hồ sơ và sổ đỏ lại để nhờ người khác làm hồ sơ tách đất. Anh V nói phải có bà và anh V cùng ký tên thì mới nhận lại sổ đỏ được nên bà và anh V có đến nhà chị N để ký tên vào tờ giấy viết tay nhưng bà không biết rõ nội dung vì bà không đọc lại và cũng không có ai đọc cho bà nghe. Khi đó, anh V ký tên trước, rồi anh V kêu bà ký tên vào tờ giấy này. Bà không có vay chị N số tiền 180.000.000 đồng này và từ trước đến nay bà cũng không có vay tiền của chị N, mà chỉ có anh V vay tiền của chị N nhưng không biết bao nhiêu tiền. Nay bà đồng ý cùng anh V trả cho chị N số tiền 180.000.000 đồng nhưng bà không có khả năng trả 01 lần nên bà xin trả trước 100.000.000 đồng vào tháng 11/2025 âm lịch, số nợ còn lại đến khoảng tháng 5/2026 âm lịch thì bà sẽ trả đủ. Hiện anh V bỏ nhà đi đâu thì bà không biết và anh V đã đem 04 sổ đỏ của bà nhờ ai làm hồ sơ tách đất thì bà cũng không rõ, đến nay vẫn chưa làm xong.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Thanh V không đến Tòa án theo giấy triệu tập và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

**** Tại phiên tòa, người làm chứng anh Nguyễn Minh T1 trình bày:***

Anh có quen biết và làm ăn chung với chị N, còn anh V thì trước đây anh có nhận làm hồ sơ tách đất của gia đình anh V nên có biết anh V. Từ trước đến nay, giữa anh và hai bên đương sự không xảy ra mâu thuẫn gì. Ngày 25/9/2024, tại nhà chị N, con gái chị N có viết Giấy thỏa thuận về việc anh V và mẹ anh V là bà T có vay mượn của chị N số tiền 180.000.000 đồng đúng như chị N trình bày. Sau khi viết xong, chị N có đọc lại cho anh V và bà T cùng nghe. Bà T cho rằng bà không được nghe ai đọc lại giấy tay này trước khi ký là anh không đồng ý. Anh cũng có hỏi anh V rằng anh có ý kiến gì đối với nội dung giấy thỏa thuận này không thì anh V nói *"Vậy được rồi"*. Sau đó anh V có ghi *"Tôi đã đọc và đồng ý ký tên"* rồi ký tên vào giấy thoả thuận này, bà T cũng ký phía dưới giấy tay này trước mặt anh. Trước đó, ngày 21/12/2023, khi chị N đưa cho anh V vay 50.000.000 đồng tại NH.GC thì anh cũng có mặt chứng kiến. Sau khi trả tiền ngân hàng và lấy sổ đỏ của mẹ anh V ra thì anh V đưa cho anh 04 sổ đỏ này nhờ anh làm hồ sơ chia tách đất cho các anh chị em trong gia đình anh. Tuy nhiên, sau đó do các thửa này không đủ điều kiện tách thửa nên anh có nói lại với chị N thì chị N kêu anh đưa cho chị N giữ bản chính 04 sổ đỏ này vì anh V còn nợ tiền chị N chưa trả. Anh cam đoan lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp phát biểu ý kiến như sau:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* cần được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại khu phố SQA, phường SQ, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh V và bà T vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

- Bị đơn anh Huỳnh Thanh V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định tại Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh V tự từ bỏ quyền chứng minh và mặc nhiên thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp. Do đó Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai thừa nhận của bị đơn bà Ngô Thị T trong quá trình giải quyết vụ án để làm căn cứ giải quyết tranh chấp.

- Căn cứ vào Công văn số 07/NHNo.GC-TH ngày 07/8/2025 của ngân hàng Chi nhánh GC Tiền Giang, Giấy tay thỏa thuận ngày 24/9/2025 có chữ ký xác nhận nợ của anh V và mẹ anh V là bà T cùng lời khai thừa nhận của bà T và lời khai của người chứng kiến là anh Nguyễn Minh T1. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 21/12/2023, chị N có cho anh V vay số tiền 180.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, sau khi vay anh V có trả cho chị N được 12.000.000 đồng tiền lãi rồi ngưng. Đến ngày 24/9/2025, anh V và bà T thống nhất ký tên xác nhận nợ và hẹn 15 ngày sau sẽ trả cho chị N số tiền 180.000.000 đồng nhưng đến nay anh V và bà T vẫn chưa trả chị N số tiền này nên việc chị N kiện đòi là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Buộc anh V và bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho chị N số tiền nợ nêu trên.

- Ngày 25/9/2024, anh V và bà T cùng ký vào Giấy tay thỏa thuận tại nhà chị N. Người làm chứng anh T1 xác nhận chị N có đọc lại nội dung cho anh V và bà T cùng nghe, anh V có ghi rõ *"Tôi đã đọc và đồng ý ký tên"* rồi ký tên, sau đó bà T cũng ký tên phía dưới. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng đồng ý cùng anh V trả cho chị N số nợ này. Như vậy, có căn cứ xác định việc ký kết là tự nguyện, thể hiện sự thống nhất về việc thừa nhận khoản nợ này là nghĩa vụ chung của anh V và bà T. Do đó, lời khai của bà T cho rằng chỉ ký để lấy lại sổ đỏ, không biết nội dung, không phù hợp với lời khai người làm chứng và mâu thuẫn với chính lời khai của bà T về việc đồng ý cùng anh V trả cho chị N số tiền 180.000.000 đồng nên lời khai này của bà không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về thời hạn trả: Anh V không có ý kiến, bà T xin trả dần do kinh tế khó khăn nhưng không được chị N đồng ý. Xét thấy, anh V và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận tại Giấy tay ngày 24/9/2025 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi

ích hợp pháp của chị N nên nay cần buộc anh V và bà T phải thanh toán số tiền nợ nêu trên cho chị N 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật Người cao tuổi.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - *Các Điều 117, 280, 288, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 2 Luật Người cao tuổi;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Ngô Thị T và anh Huỳnh Thanh V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lương Thị Hồng N số tiền nợ vay là **180.000.000 đồng** (Một trăm tám mươi triệu đồng), trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị T được miễn nộp do bà là người cao tuổi.

- Anh Huỳnh Thanh V phải chịu 4.500.000 đồng.

- Hoàn lại chị Lương Thị Hồng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng theo biên lai thu số 0001414 ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố GC, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực H - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Thiền